

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12-2018
V/v: ly hôn giữa bà L
và ông T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Được

Bà Bùi Thị Kim Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mai -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 261/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trang Thị Bích L, sinh năm: 1980, “có mặt”

HKTT: 49C/Ô1 tổ 3 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Tổ 3 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Hùng T, sinh năm 1975, “có mặt”

Địa chỉ: 49C/Ô1 tổ 3 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trang Thị Bích L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2003, đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu về nhà kiểem chuyện chửi mắng và đánh đập bà L. Do vậy, bà L đã hai lần bỏ về nhà cha mẹ ruột, nhưng do ông T đến năn nỉ và hứa sửa đổi nên bà L quay về, chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì ông T lại chứng nào tật nấy. Vì vậy, tháng 4 năm 2018 bà L dắt con về nhà cha mẹ ruột và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông T có tìm gặp bà L mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà L không đồng ý. Nay, bà L nhận thấy hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, vì vậy bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 người con chung tên là: Huỳnh Trung H, sinh ngày 29-7-2004. Từ thời điểm ly thân đến nay bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nay, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình xét xử, bị đơn ông Huỳnh Trung T trình bày: Ông T thống nhất như lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông T thừa nhận mỗi lần ông T uống rượu là vợ chồng cãi vã với nhau và có lần ông T có đánh bà L một bạt tay, tuy nhiên ông T cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không lớn, có thể hàn gắn được. Vì trước đây, mỗi lần bà L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, ông T tìm cách xin lỗi là bà L quay về, nay ông T vẫn còn tình cảm với bà L và mong muốn bà L tha thứ để vợ chồng đoàn tụ chăm lo cho con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L thì ông T đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất như ý kiến và yêu cầu của bà L.

3. Tại biên bản lấy lời khai, cháu Huỳnh Trung H trình bày: Hiện cháu đang sống với mẹ, trường hợp cha mẹ ly hôn cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà L xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà Trang Thị Bích L và ông Huỳnh Trung T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 280, quyển số I/2007 ngày 21-12-2007. Do đó, xác định hôn nhân của bà L và ông T là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu về nhà kiêu có chửi mắng và đánh đập bà L, bà L nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T vẫn không sửa đổi, vì vậy bà L đã sống ly thân với ông T từ tháng 4/2018 đến nay. Tại phiên tòa, ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và bà L đã hai lần bỏ về nhà cha mẹ mình, lần cuối bà L bỏ đi là tháng 4/2018, ông T đã tìm cách hàn gắn nhưng bà L không đồng ý, nay ông T còn thương bà L nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, trong thời gian chung sống giữa bà L và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến một vài lần vợ chồng đã sống ly thân,

sau đó trở lại đoàn tụ, tuy nhiên sau khi trở lại chung sống tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Nay, ông T cho rằng còn rất thương bà L và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng trong thời gian ly thân từ tháng 4/2018 đến nay ông T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy, hôn nhân của hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, bà L được ly hôn với ông T.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà L và ông T có 01 con chung là Huỳnh Trung H, sinh ngày 29-7-2004. Tại phiên tòa, bà L và ông T đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con là bà L và sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con giữa bà L và ông T, bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Trung H, sinh ngày 29-7-2004 .

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và bà L cũng không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[2.4] *Về tài sản chung*: Bà L và ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[2.5] *Về nợ chung*: Bà L và ông T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy không xét đến.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Bà Trang Thị Bích L được ly hôn với ông Huỳnh Trung T.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà L và ông T như sau: Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Trung H, sinh ngày 29-7-2004. Tạm thời, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà L và ông T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

- Bà Trang Thị Bích L phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0003739 ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Huỳnh Trung T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND TT Đ;
- (GCNKH số 280, quyền số I/2007
ngày 21-12-2007)
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung